



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2024

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	11.149.123	8.902.301	6.982.129	4.509.428	62,62	50,65
I	Các khoản thu 100%	235.900	235.900	75.864	75.864	32,16	32,16
1	Phí, lệ phí	65.900	65.900	16.810	16.810	25,51	25,51
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	70.000	70.000	19.488	19.488	27,84	27,84
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			6.750	6.750		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	100.000	100.000	39.566	39.566	39,57	39,57
	- Thu khác	100.000	100.000	32.816	32.816	32,82	32,82
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	3.573.003	1.326.181	3.624.495	1.151.794	101,44	86,85
I	Các khoản thu phân chia	116.900	81.830	30.418	21.293	26,02	26,02
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	26.900	18.830	749	524	2,78	2,78
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	90.000	63.000	29.669	20.769	32,97	32,97
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tính quy định	3.456.103	1.244.351	3.594.077	1.130.502	103,99	90,85
2.1	Thu tiền sử dụng đất	3.000.000	900.000	3.473.600	1.042.080	115,79	115,79
2.2	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước	3	1	3.283	985	109.431,00	109.431,11
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	83.600	83.600	18.002	18.002	21,53	21,53
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	372.500	260.750	99.192	69.435	26,63	26,63
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			843.970	843.970		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	7.340.220	7.340.220	2.437.800	2.437.800	33,21	33,21
1	Thu bổ sung cân đối	7.340.220	7.340.220	1.833.000	1.833.000	24,97	24,97
2	Thu bổ sung có mục tiêu			604.800	604.800		